

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2026/HSPT**

Ngày 06/01/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Bá Dự

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Duy

Bà Cao Thị Thanh Huyền

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 118/2025/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Võ Trung T do có kháng cáo của bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai .

Bị cáo không có kháng cáo

Họ và tên: **Võ Trung T** (tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh ngày: 20/02/1987, tại: phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: thôn P, xã P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: thợ nhôm, sắt; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị T, sinh năm 1963; vợ: Trần Thị Minh K, sinh năm 1994 (đã L hôn); con: Võ Trần Minh T, sinh năm 2012; anh, chị, em ruột 02 người, bị cáo là con cả; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là xã P, tỉnh Gia Lai) từ ngày 11/5/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- Người bị hại có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ánh L; sinh năm: 1982;Địa chỉ nơi cư trú: khu phố A, xã P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang D; địa chỉ: khu phố A, xã P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị S; sinh năm 1993;Địa chỉ nơi cư trú: thôn P, xã P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 22/9/2024, bà Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm: 1982; cư trú tại khu phố An Kim, TT. Ngô Mây, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là KP. An Kim, xã P, tỉnh Gia Lai) thỏa thuận với bà Đặng Thị P, sinh năm: 1990 cư trú tại thôn Phong An, xã C, huyện P (nay là thôn Phong An, xã P, tỉnh Gia Lai) để nhận chuyển nhượng 01 thửa đất vườn trị giá 490.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, bà L và bà P ký kết hợp đồng đặt cọc với số tiền 60.000.000 đồng. Khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, bà L chào bán lô đất cho bà Ngô Thị Hồng T, sinh năm: 1983 ở KP. An Kim, xã P, tỉnh Gia Lai với giá 500.000.000 đồng. Sau đó, bà T rủ ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 1972 ở KP. An Phú, xã P, tỉnh Gia Lai và bà Võ Thị S, sinh năm: 1993 ở thôn Phú Kim, xã P, tỉnh Gia Lai hùn hạp vốn nhận chuyển nhượng lô đất trên rồi thỏa thuận lại với L thống nhất giá chuyển nhượng là 490.000.000 đồng và đặt cọc 50.000.000 đồng cho bà L; các bên hẹn ngày 22/10/2024 đến Văn phòng công chứng để ký kết, công chứng hợp đồng, làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.

Sau khi đặt cọc 50.000.000 đồng cho bà L thì bà Tp, ông T, bà S nhờ Võ Trung T, sinh năm: 1987 (là anh ruột của bà S) ở thôn Phú Kim, xã P, tỉnh Gia Lai đứng tên giúp trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao cho Sang tiến hành lập các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và trả số tiền còn lại cho bà L. Khoảng 16 giờ ngày 22/10/2024, bà L cùng bà P, bà S cùng T đến Văn phòng Công chứng Thái Công Bình ở KP. An Phú, xã P, tỉnh Gia Lai để làm thủ tục ký hợp đồng chuyển nhượng và giao số tiền còn lại. Sau khi soạn thảo hợp đồng xong, thấy bà S chưa giao đủ tiền nên bà L yêu cầu S giao đủ số tiền còn lại thì mới tiến hành hoàn tất thủ tục công chứng. Sau đó, bà L đi đến bàn công chứng cầm lấy bộ hồ sơ trên tay rồi quay lại xem T và P giao, nhận tiền. Bà S yêu cầu bà L bỏ hồ sơ lại bàn, nhưng bà L không đồng ý. Khi bà L đang đứng cạnh bàn tiếp tục xem bà P đếm tiền thì bà S giật bộ hồ sơ, nhưng bà L kéo bà S giằng lại. Lúc này, T và bà P đang kiểm đếm tiền ở băng ghế của Văn phòng. Thấy vậy, T chạy đến giúp sức cho S giành giật bộ hồ sơ. Sau khi T giành được bộ hồ sơ cầm trên tay; tay trái T cầm hồ sơ, còn tay phải tiếp tục nắm cổ và đè đầu của bà L xuống bàn, làm đầu của L va vào cạnh bàn. Bà L ngã ngửa xuống nền nhà, T tiếp tục dùng tay nắm lấy đầu tóc của L lôi kéo, tỳ đè trong tư thế bà L quỳ bò trên nền nhà. Nhìn thấy sự giành giật, xô xát nhau, ông Thái Công Bình (Trưởng Văn phòng công chứng) tiến đến can ngăn, nhưng T vẫn chưa dừng lại mà tiếp tục nắm lấy đầu tóc của bà L đè xuống áp sát vào tường một lúc sau mới dừng lại và thả L ra. Ông Bình mời các bên vào bàn làm việc. Trong lúc bà P đang cầm số tiền 300.000.000 đồng mà T đưa trước đó thì bà S tiếp tục chuyển 90.000.000 đồng vào tài khoản của bà P. Sau đó, Sang dùng điện thoại di động của mình quay clip hình ảnh L và những người trong văn phòng công chứng, phát trực tiếp trên mạng xã hội Facebook bằng hình thức Livestream. Ông Bình cầm hồ sơ đến bàn làm việc để kiểm tra thì bà S lấy tờ giấy hợp đồng đặt cọc giữa ông Trí và bà L đã ký kết trước đó; còn T và bà P ngồi

tại bàn làm việc của ông Bình để tiếp tục kiểm đếm số tiền 300.000.000 đồng mà T đã giao. Bà L và bà S vẫn tiếp tục cãi nhau nên ông Bình trả lại bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P, còn T nhận lại T bộ số tiền 300.000.000 đồng và tất cả rời khỏi Văn Văn phòng Công chứng Thái Công Bình.

Hậu quả: Bà Nguyễn Thị Ánh L được đưa đến Trung tâm y tế huyện P nhập viện điều trị nội trú từ ngày 22/10/2024 đến ngày 28/10/2024 được ra viện.

Theo Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống, số 258/KLTTCT-PYBD ngày 02/12/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định cũ (nay là tỉnh Gia Lai), đối với Nguyễn Thị Ánh L; xác định thương tích như sau:

- Sẹo rõ vùng trán phải (không tóc); vùng cổ không có dấu vết; vùng ngực không có dấu vết; vùng hố chậu hai bên không có dấu vết, không đau; sẹo mờ mu bàn tay phải tương ứng xương bàn V, vận động trong giới hạn bình thường; mu bàn chân trái không dấu vết và di chứng.

* Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị Ánh L tại thời điểm giám định là: **04%**.

* Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định (nay là Công an tỉnh Gia Lai) thu giữ:

- Đồ vật do bà Nguyễn Thị Ánh L giao nộp:

+ 01 (một) hợp đồng đặt cọc giữa bên A là Đặng Thị P và Nguyễn Thị Ánh L với bên B là Huỳnh Ngọc T đề ngày 22/9/2024 (bản photocopy); 01 (một) hợp đồng đặt cọc giữa bên A là Đặng Thị P với bên B là Nguyễn Thị Ánh L ghi ngày 22/9/2024 (bản photocopy); 03 (ba) tờ giấy khổ A4 chụp ảnh những tin nhắn trao đổi trên mạng xã hội Facebook;

+ 02 (hai) ảnh chụp thương tích trên trán phải của chị L;

+ 01 (một) USB chứa 02 đoạn video clip ghi lại cảnh giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn Văn phòng Công chứng Thái Công Bình;

- Đồ vật ông Thái Công B - Trưởng văn phòng công chứng giao nộp:

+ 01 (một) USB chứa 04 file video (chỉ ghi nhận hình ảnh, không có âm thanh ghi lại diễn biến sự việc tại thời điểm xảy ra vụ án);

- Đồ vật do Công ty TNHH vi tính Quy Nhơn, địa chỉ XX - XX Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định giao nộp:

+ 01 (một) Hợp đồng kinh tế;

+ 01 (một) bảng báo giá thiết bị văn phòng.

- Đồ vật do bà Võ Thị S giao nộp:

+ 01 (một) Điện thoại di động hiệu Iphone 13 promax, màu vàng nhạt.

- Về xử lý đồ vật, tài liệu: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Định (nay là Công an tỉnh Gia Lai) đã xử lý trả lại 01 (một) Điện thoại di động hiệu Iphone 13 promax, màu vàng nhạt cho chủ sở hữu.

- Về dân sự: Nguyễn Thị Ánh L yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm số tiền 113.449.943 đồng. Bị cáo Võ Trung T chưa bồi thường theo yêu cầu của người bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo T mang theo 14.000.000 đồng để sẵn sàng bồi thường, khắc phục hậu quả do mình gây ra, nhưng bà L từ chối nhận vì cho rằng việc khắc phục hậu quả tại phiên tòa là không có ý nghĩa đối với bà.

Tại bản cáo trạng số: 26/CT-VKSPC, ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định (nay là Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai) đã truy tố bị cáo Võ Trung T về tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự - năm 2015.

Căn cứ điểm các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Trung T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Võ Trung T **09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng không khấu trừ thu nhập và không buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc phục vụ cộng đồng. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Gia Lai nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Võ Trung T cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần dân sự, xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại và đương sự trong vụ án theo luật định.

3. Kháng cáo của bị hại

- Ngày 19/8/2025 bị hại Nguyễn Thị Ánh L kháng cáo đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ đề điều tra, truy tố, xét xử lại vì có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, giải quyết về phần bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phiên tòa bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Võ Trung T đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở khẳng định:

Xuất phát từ sự mâu thuẫn nhỏ nhất giữa bà Nguyễn Thị Ánh L với bà Võ Thị S (em gái T) trong việc ký kết, thanh toán tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 01 thửa đất vườn trị giá 490.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng Thái Công Bình, dẫn đến việc bà L và bà S giành co, giành giật nhau bộ hồ sơ chuyển nhượng. Bị cáo T đã tham gia giành giật và lấy được hồ sơ. Lúc này bà L trong tư thế không chống cự được, có nhiều người ngăn cản nhưng do bản chất côn đồ bị cáo T vẫn liên tiếp có hành vi nắm cổ, đè đầu L xuống va chạm vào cạnh bàn rồi dùng tay nắm tóc lôi kéo, tỳ đè L trong tư thế bà L quỳ bò trên nền nhà, đẩy bà L ép sát tường dẫn đến bà L bị thương tích 04%.

Do đó, bị cáo Võ Trung T bị truy tố, xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Về kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Ánh L:

Theo tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Tỷ lệ thương tật gây ra cho bị hại là 04%, tại khoản 1 Điều 134 Bộ Luật hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

i) Có tính chất côn đồ;

...

Bị hại L cho rằng bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ nên bị cáo không thuộc trường hợp được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị Quyết 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2025 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm khi xem xét quyết định hình phạt đã căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt để quyết định mức hình phạt là 09 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm bị hại L cũng khẳng định không yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo mà chỉ yêu cầu xét xử đúng pháp luật, khách

quan, không bỏ lọt tội phạm nên việc truy tố, xét xử đối với bị cáo Võ Trung T về tội “Cố ý gây thương tích” với mức hình phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ là đúng quy định của pháp luật.

Về dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với bà Võ Thị S: Theo nội dung vụ án, xem xét tại file ghi hình tại Văn phòng công chứng Thái Công Bình và lời khai của bị cáo, người liên quan và những người làm chứng thấy rằng, thương tích 04% của bà L là do một mình bị cáo T gây ra, Sang và T không có hành vi bàn bạc, thống nhất ý chí với nhau để gây ra thương tích cho bà L, hành vi giằng co, giành giật lấy hồ sơ của bà S là bộc phát không phải là đồng phạm trong tội “Cố ý gây thương tích”.

Việc bà L cho rằng bà S có hành vi dùng điện thoại quay và phát trực tiếp lên mạng facebook qua tài khoản facebook Út Sang cùng với những lời bịa đặt, xúc phạm nhân phẩm bà L đã phạm vào tội “*Vu khống*”, “*Làm nhục người khác*”, thì tại Công văn số 2100/STTTT- -BCVT&CNTT ngày 29/11/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Định cũ (nay là tỉnh Gia Lai) thể hiện Sở Thông tin và Truyền thông không đủ thông tin, căn cứ để xác định và cung cấp dữ liệu bài viết, đoạn chat nên không có căn cứ để khởi tố vụ án theo đơn của bà. Trường hợp bà cung cấp được tài liệu mới làm căn cứ để xác định có tội phạm xảy ra thì bà có quyền gửi đơn đến Cơ quan cảnh sát điều tra để được xem xét theo quy định của pháp luật.

Bà L cho rằng bà S đã giành giật bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ép buộc giao đất bằng đe dọa, bạo lực cùng với việc trả tiền không đầy đủ có dấu hiệu của việc cưỡng đoạt tài sản tuy nhiên xét thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng đặt cọc, bản thảo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các loại giấy tờ khác thì đó không phải là tài sản, không phải các giấy tờ có giá theo quy định tại Điều 105 Bộ luật Dân sự và cũng không nhằm mục đích chiếm đoạt mà đưa lại cho nhân viên của văn phòng công chứng, đồng thời bà L cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh có sự đe dọa, bạo lực để ép buộc bà phải giao đất cho bà S nên hành vi của bà S không có dấu hiệu cấu thành tội phạm về các tội: “*Cướp giật tài sản*”, “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Văn phòng Công chứng Thái Công Bình vẫn hoạt động bình thường, việc giằng co, xô xát chỉ diễn ra trong thời gian rất ngắn (khoảng 02 phút), không làm cản trở hoạt động bình thường của Văn phòng Công chứng Thái Công Bình; Không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an T xã hội tại địa P. Vì vậy, chuỗi hành vi của bà S và bị cáo T không đủ yếu tố cấu thành tội “*Gây rối trật tự công cộng*” như yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh L.

Đối với phần bồi thường thiệt hại, bà L kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “Với vết thương vùng trán phải, mức độ thương tích 04% tổn thương cơ thể do thương tích gây nên thì bà L có thể tự đi lại chăm sóc bản thân, không cần người chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian điều trị nội trú” là nhận

định hoàn T mang tính chất chủ quan, không phản án được thực tế hậu quả về thương tích mà là cơn đau âm ỉ, choáng váng, nguy cơ diễn biến xấu, phức tạp của bệnh nên phải có người chăm sóc, đồng thời bà bị tổn hại về tinh thần nhưng bản án sơ thẩm chỉ tuyên bồi thường tổn thất tinh thần bằng 04 tháng lương cơ sở là chưa phù hợp bởi mức bồi thường có thể lên đến 117.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi xem xét mức bồi thường đã căn cứ trên mức độ tổn thương cơ thể, chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, mức độ tổn thất tinh thần của bị hại, áp dụng đúng quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự và Nghị Quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến phần bồi thường liên quan đến ngày công chăm sóc bị mất đối với một người chăm sóc cho bị hại trong những ngày bị hại nằm viện, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sửa bản án sơ thẩm về phần này, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại chi phí hợp lý cho việc chăm sóc bị hại trong 06 ngày nằm viện từ ngày 22/10/2024-28/10/2024, mỗi ngày 300.000 đồng, tổng cộng là 1.800.000 đồng.

Đối với các nội dung kháng cáo khác, theo phân tích nêu trên, tại giai đoạn phúc thẩm bị hại không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai về phần bồi thường như sau:

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự - năm 2015.

Căn cứ điểm các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1.1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Trung T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1.2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Võ Trung T **09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng không khấu trừ thu nhập và không buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc phục vụ cộng đồng. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Gia Lai nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Võ Trung T cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

1.3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

- Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự - 2015;
- Buộc bị cáo Võ Trung T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà Nguyễn Thị Ánh L số tiền: 17.234.000 đồng (*Mười bảy triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng chẵn*). Khấu trừ 15.434.000 đồng bị cáo Võ Trung T đã nộp tiền khắc phục hậu quả theo Biên lai thu tiền số 0000461 ngày 11/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bị cáo Võ Trung T phải tiếp tục nộp 1.800.000 đồng để bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ánh L.

1.4. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Võ Trung T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 861.700 đồng (*Tám trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: bị hại Nguyễn Thị Ánh L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 3 – Gia Lai;
- VKSND khu vực 3 – Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Dương sự;
- Lưu VT, THS, HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Giáp Bá Dự